

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Tên thủ tục hành chính: Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế

Bước 1: Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có diện tích đất trồng rừng thay thế;

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, UBND cấp tỉnh tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả cho Chủ dự án ngay khi tiếp nhận hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo cho Chủ dự án ngay khi nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; bằng văn bản trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp bằng phương thức khác.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Chủ dự án, UBND cấp tỉnh xem xét, giải quyết và thông báo bằng văn bản cho Chủ dự án biết.

Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp tỉnh ban hành văn bản chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế, Chủ dự án nộp toàn bộ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với địa phương chưa thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng).

Bước 4: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với địa phương chưa thành lập Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng) tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế theo văn bản chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế của UBND cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế theo quy định.

b) Trường hợp UBND cấp tỉnh không còn quỹ đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế

Bước 1: Chủ dự án nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có diện tích đất trồng rừng thay thế;

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, UBND cấp tỉnh tiếp nhận và hẹn ngày trả kết quả cho Chủ dự án ngay khi tiếp nhận hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo cho Chủ dự án ngay khi nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; bằng văn bản trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp bằng phương thức khác.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Chủ dự án, UBND cấp tỉnh lập hồ sơ gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hồ sơ gồm:

Văn bản của UBND cấp tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nêu rõ lý do không còn đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế kèm theo danh sách dự án thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 và Hồ sơ đề nghị của Chủ dự án nộp.

Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của UBND cấp tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, bố trí trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh, thành phố khác (sau đây viết tắt là nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế); có văn bản đề nghị UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế xây dựng, phê duyệt thiết kế, dự toán trồng rừng (phòng hộ, đặc dụng).

Bước 4: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế phê duyệt thiết kế, dự toán trồng rừng thay thế, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc cơ quan được ủy quyền) thông báo bằng văn bản cho UBND cấp tỉnh có liên quan, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và Chủ dự án biết về số tiền Chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế.

1.2 Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng (cơ chế một cửa quốc gia, dịch vụ công trực tuyến, phần mềm điện tử, e-mail, fax)

1.3 Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần:

- Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế:

Văn bản của Chủ dự án đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận phương án nộp tiền trồng rừng thay thế;

Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Báo cáo về diện tích, hiện trạng rừng (theo mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành, chủ quản lý) dự kiến chuyển mục đích sử dụng; các tài liệu khác có liên quan (nếu có);

Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt.

- Trường hợp UBND cấp tỉnh không còn quỹ đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế:

Văn bản của UBND cấp tỉnh đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nêu rõ lý do không còn đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế kèm theo danh sách dự án thực hiện nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019 và Hồ sơ đề nghị của Chủ dự án nộp.

Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Báo cáo về diện tích, hiện trạng rừng (theo mục đích sử dụng, nguồn gốc hình thành, chủ quản lý) dự kiến chuyển mục đích sử dụng; các tài liệu khác có liên quan (nếu có);

Trường hợp hồ sơ là bản bằng chữ nước ngoài phải có bản dịch ra tiếng Việt.

b) Số lượng: 01 bộ

1.4 Thời hạn giải quyết:

a) Đối với trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế: 47 (bốn mươi bảy) ngày làm việc

b) Đối với trường hợp UBND cấp tỉnh không còn quỹ đất quy hoạch phát triển rừng để trồng rừng thay thế: 67 (sáu mươi bảy) ngày làm việc

1.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân (chủ dự án)

1.6 Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản hành chính

1.8 Lệ phí (nếu có): Không.

1.9 Tên mẫu: Mẫu văn bản tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25/10/2019.

1.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

1.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Phụ lục III

DANH SÁCH DỰ ÁN NỘP TIỀN TRỒNG RỪNG THAY THẾ VÀO QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Chủ dự án	Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng (ha)						Mục đích sử dụng sau chuyển đổi (ha)	Diện tích phải trồng rừng thay thế (ha)
			Tổng số	Chia theo nguồn gốc hình thành		Chia theo mục đích sử dụng				
				Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
	Tổng số									

Lập biểu

Thủ trưởng đơn vị
(chữ ký, họ và tên, đóng dấu)